TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BÌNH ĐỊNH	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-PT
Ngày : 18 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn; Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thu Hằng là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*:** Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 19/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Văn N1, Nguyễn Văn N2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

1. LÊ VĂN N1 sinh năm 2000 tại tỉnh Khánh Hòa; Trú tại: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/7/2023; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 19/10/2016, bị UBND xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt cảnh cáo về hành vi "*Lôi kéo người khác đánh nhau*"; ngày 22/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; Ngày 29/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" (bị cáo đã chấp hành xong).

2. NGUYỄN VĂN N2, sinh năm 2001 tại tỉnh Khánh Hòa; Trú tại: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H

và bà Nguyễn Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/7/2023; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Lê Văn N1 (đang làm việc tại thành phố Q) đã bàn bạc và rủ Nguyễn Văn N2 (đang sống ở N, Khánh Hòa) đến thành phố Q để cùng N1 trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền chia nhau. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/7/2023, Lê Văn N1 mang theo công cụ để trộm cắp xe mô tô gồm: cờ lê, đoản lục giác, tuýp sắt, dây kẽm, điều khiển xe mô tô biển số 77L1-717.41 chở Nguyễn Văn N2 đến C mở rộng thuộc phường N, thành phố Q tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến nơi, N1 nói N2 vào công viên chờ. Sau đó, N1 điều khiển xe mô tô 77L1-717.41 đi dọc đường A hướng đến phường G, thành phố Q. Khi đến đoạn đường bê tông dẫn ra biển gần khách sạn H1, N1 dựng xe mô tô 77L1-717.41 ở đầu đường rồi đi bộ vào nơi có nhiều xe mô tô của người dân đến tắm biển để ở đây. N1 thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh – bạc, biển số 77G1-378.80 của anh Võ Văn T1 (Sinh năm: 1992; trú: B, P, T, Bình Định) không khoá cổ, xung quanh không có người trông coi nên đi đến phía trước đầu xe, dùng tay tháo bộ phận IC ngay dưới mặt nạ phía trước của xe rồi dùng dây kẽm chuẩn bị sẵn đấu nối vào 02 đầu dây điện chỗ IC vừa tháo thì khởi động được xe. N1 đề máy, điều khiển xe này đi đến chỗ N2 đang ngồi chờ, rồi chở N2 quay lại để lấy xe mô tô 77L1-717.41 của N1. Sau đó, N1 giao xe mô tô 77G1-378.80 cho N2 và nói N2 mang xe đến gửi tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Trong lúc đợi N2 quay lại, N1 tiếp tục vào Công viên thiếu nhi mở rộng tìm xe để trộm cắp thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh – xám, biển số 77H1-251.47 của anh Đỗ Thanh S (Sinh năm: 1996; trú: G H, phường Đ, thành phố Q) dựng tại đường nội bộ cách khu vực tảng đá "Xanh – S – Đẹp" trong công viên khoảng 20m, không có người trông coi. N1 đi đến lén lút dùng tay tháo bộ phận IC của xe ra nhưng do không còn dây kẽm để đấu dây điện nên N1 quay lại vị trí xe mô tô của N1 ngồi chờ N2. Khoảng 05 phút sau, N2 quay lại công viên gặp N1, N1 dẫn N2 đến chỉ vào xe mô tô 77H1-251.47 và nói với N2: "Vô lấy đi, tao tháo nắp ra rồi". N2 hiểu ý, đi đến gần xe mô tô 77H1-251.47 rồi dùng dây kẽm chuẩn bị sẵn đấu nối vào 02 đầu dây điện chỗ IC N1 vừa tháo thì khởi động được xe. Thấy vậy, N1 quay lại lấy xe của N1. N1 đề máy, điều khiển xe 77H1-251.47 đi ra hướng đường A thì bị một số người dân tri hô, bắt giữ N2 và N1 rồi báo cáo Công an phường Nguyễn Văn C.

Quá trình điều tra, ngoài hành vi nêu trên, N1 còn khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 18/6/2023, N1 chuẩn bị công cụ đoản lục giác, tuýp sắt để phá khoá xe mô tô rồi thuê xe Grab đi từ nhà đến khu vực công viên dọc biển Q để tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền. Khi đến bãi xe trên đường A, phía sau tượng Trịnh Công S1 (thuộc phường N, thành phố Q), N1 quan sát thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xám – đen, biển số 81E1-155.76 của chị Trần Thị Hồng N4 (Sinh năm: 2001; trú: C, Đ, M, Gia Lai) không có người trông coi. N1 đi đến dắt xe mô tô 81E1-155.76 ra đường A, lén lút dùng đoản lục giác và tuýp sắt phá khoá xe rồi điều khiển xe mang về cất giấu tại nhà I T, thành phố Q. Khi về nhà, N1 mở cốp xe thì phát hiện trong cốp có 01 ví da nữ (Loại ví da trơn màu hồng, không có logo, nhãn hiệu) của chị N4 bên trong có số tiền 7.000.000 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân của chị N4; 01 ví da nam (Loại ví da trơn màu nâu, không có logo, nhãn hiệu) của anh Lê Phước L2 (Sinh năm: 2000; trú: P, H, M, Gia Lai) bên trong có số tiền 700.000 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân của anh L2 (Ví da này anh L2 gửi chị N4 cất giữ). N1 lấy toàn bộ số tiền trong 02 ví da rồi vứt ví, giấy tờ trong ví và biển số xe 81E1-155.76 (không thu hồi được). Sau đó, N1 chụp hình xe và dùng tài khoản facebook "Thanh Như" đăng bài với nội dung "Bán xe không giấy" thì có một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) đồng ý mua xe với giá 3.500.000 đồng. Số tiền trộm cắp và tiền có được từ việc bán xe, N1 tiêu xài cá nhân hết.

- Ngày 20/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q kết luận:

+ 01 xe mô tô biển số 77G1-378.80, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn: Xanh – Bạc, số khung: RLCUG0610FY169435, số máy: G3D4E182343, đã qua sử dụng, trị giá 20.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô biển số 77H1-251.47, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn: Xanh – Xám, số khung: 0610GY236326, số máy: G3D4E249232, đã qua sử dụng, trị giá 20.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô biển số 81E1-155.76, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn: Xám – Đen, số khung: RLCUE3740KY006830, số máy: E32VE012679, đã qua sử dụng, trị giá 15.000.000 đồng

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tạm giữ và trả lại 01 xe mô tô biển số 77G1-378.80, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn: Xanh – Bạc, 01 IC xe mô tô bên trên có in chữ "YAMAHA 3C1-00 OMRON 0616Y11" cho bị hại Võ Văn T1; 01 xe mô tô biển số 77H1-251.47, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn: Xanh – Xám, 01 IC xe mô tô bên trên có in chữ

"YAMAHA 3C1-00 OMRON 05Y5Y12" cho bị hại Đỗ Thanh S; 01 xe mô tô biển số 77L1-717.41, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu sơn trắng – đỏ - đen, số máy JF18E5275056, số khung 18058Y671318 cho chủ sở hữu Trương Thị T2. Hiện còn đang tạm giữ 01 cờ lê cỡ 10; 01 tuýp sắt kiểu L cỡ 8; 01 thanh đoản kim loại hình trụ lục giác, dài 08cm, một đầu được vát dẹp; 01 đĩa DVD lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Văn T1, anh Đỗ Thanh S đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì. Chị Trần Thị Hồng N4 yêu cầu bồi thường số tiền 22.700.000 đồng, bị cáo Lê Văn N1 chưa bồi thường.

Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HSST ngày 21 ngày 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N1, Nguyễn Văn N2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N1 3 (*ba*) năm 6 (*sáu*) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2023.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N2 02 (*hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/12/2023, các bị cáo Lê Văn N1, Nguyễn Văn N2 kháng cáo cùng nội dung yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo N1; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N2, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 từ 18 đến 21 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong sơ vụ án thể hiện: Khoảng thời gian từ ngày 18/6/2023 đến 15/7/2023, bị cáo Lê Văn N1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị 62.700.000 đồng; Ngày 15/7/2023, bị cáo Nguyễn Văn N2 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị 40.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo bị xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*", bị cáo Lê Văn N1 phạm tội với tình tiết định khung "*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bô luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn N2 phạm tội với tình tiết định khung "*người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N1, Nguyễn Văn N2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. *Đối với vai trò của bị cáo Lê Văn N1*: Bị cáo là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phá khóa như đoản lục giác, tuýp sắt, dây kẽm rồi rủ bị cáo Nguyễn Văn N2 tham gia đi trộm cắp tài sản, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa, tháo IC để lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô, tiền của những người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn N1 3 năm 6 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.2]. *Đối với vai trò của bị cáo Nguyễn Văn N2:* Khi nghe bị cáo N1 rủ đi trộm bị cáo đồng ý đi, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cùng bị N1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và đồng thời bị cáo trực tiếp trộm 01 xe môtô trị giá 20.000.000 đồng, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trị giá dưới 50.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng

nặng được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, kèm theo đơn kháng cáo bị cáo xuất trình Quyết định số 09/QĐ-TĐ ngày 10/01/2022 của Trung đoàn A, sư đoàn C1 về việc xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ. Đây là tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, từng tham gia quân ngũ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N2, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn N1; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn N2.

[5]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn N1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N1.

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N2.

Điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HSST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HSST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N1, Nguyễn Văn N2 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

3. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn N1 3 (*ba*) năm 6 (*sáu*) tháng tù tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/7/2023.

- Bị cáo Nguyễn Văn N2 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/7/2023.

4. Về án phí:

- Bị cáo Lê Văn N1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn N2 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.1 TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định
- Trạ tạm giam Công an tỉnh Bình Định
- TA, VKS, CQĐT Công an Tp.Q
- Cơ quan THAHS Công an Tp.Q
- Chi cục THADS Tp.Q
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hải